

Bản án số: **446/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 21/6/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ X

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Hồng Đào – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố X

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngh, sinh năm 1984
Thường trú: Số 20 Khu RN, Phường MS, Quận T, Thành phố X.

- Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1984
Thường trú: Số 20 Khu RN, Phường MS, Quận T, Thành phố X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2023 và bản tự khai ngày 14/3/2024, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Ngh trình bày:

Bà và Ông Trần Ngọc C tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 27 Quyền số 01/2005, do Ủy ban nhân dân Phường MS, Quận T, Thành phố X cấp ngày 24/03/2005. Hai bên chung sống có một người con chung tên Trần Huỳnh Hải Y, sinh ngày 18/12/2005. Thời gian đầu hai bên chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Ông C thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bỏ bê không quan tâm đến vợ con và gia đình, bà có khuyên bảo thì hai vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, đến tháng 01 năm 2023 thì bà về quê, hai bên ly thân đến nay. Nay nhận thấy

không còn tình cảm với Ông C, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn gia đình nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông C.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngh và Ông Trần Ngọc C có một người con chung tên Trần Huỳnh Hải Y, sinh ngày 18/12/2005, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngh khai bà và Ông Trần Ngọc C không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Ngọc C đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 51/2024/TB-TA ngày 17/01/2024; Giấy triệu tập số 51/GTT-TA ngày 22/02/2024 để ghi nhận ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 18/3/2024 và ngày 09/4/2024 về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 51/TB-TA ngày 22/4/2024; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2024 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 51/GTT-TA ngày 23/5/2024. Tuy nhiên Ông Trần Ngọc C có đến Tòa án một lần vào ngày 09/4/2024 và nộp bản tự khai với nội dung: Về quan hệ hôn nhân, Ông C không đồng ý ly hôn với Bà Ngh, trong thời gian chung sống vợ chồng có cãi nhau do ông cờ bạc và nợ nần, ông cam kết sẽ không tái phạm nữa, mong muốn được đoàn tụ để lo cho con. Về con chung, ông và Bà Ngh có một người con chung tên Trần Huỳnh Hải Y, sinh ngày 18/12/2005, con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, Ông C và Bà Ngh không có tài sản chung và cũng không có thiếu nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó, Ông Trần Ngọc C vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận T phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Huỳnh Thị Ngh được ly hôn với Ông Trần Ngọc C. Về con chung: Con đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngh và Ông Trần Ngọc C cùng khai hai bên không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Bà **Huỳnh Thị Ngh** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông **Trần Ngọc C**. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 16, Quận T thì Ông **Trần Ngọc C** hiện đang cư trú tại Số 20 Khu RN, Phường MS, Quận T, Thành phố X. Do đó, đây là tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố X. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề ngày 07/5/2024 đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là Ông **Trần Ngọc C** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2024 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa số 51/GTT-TA ngày 23/5/2024 nhưng Ông **Trần Ngọc C** vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà **Huỳnh Thị Ngh** và Ông **Trần Ngọc C** tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận số 27 Quyền số 01/2005, do Ủy ban nhân dân Phường MS, Quận T, Thành phố X cấp ngày 24/03/2005, nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà **Huỳnh Thị Ngh** và Ông **Trần Ngọc C** là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét, theo Bà **Ngh trình bày** thì bà và Ông C chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Ông C thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, bỏ bê không quan tâm đến vợ con và gia đình, bà có khuyên bảo thì hai vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, đến tháng 01 năm 2023 thì bà và Ông C về quê sống ly thân đến nay. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với Ông C, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn gia đình nên yêu cầu được ly hôn.

Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Ông **Trần Ngọc C** có đến Tòa án một lần vào ngày 09/4/2024 nộp bản tự khai với nội dung: Ông không đồng ý ly hôn với Bà Ngh, trong thời gian chung sống vợ chồng có cãi nhau do Ông C cờ bạc và nợ nần, ông cam kết sẽ không tái phạm nữa, mong muốn được đoàn tụ để lo cho con. Sau đó Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ cho Ông C đến Tòa án để hòa giải, xét xử nhưng Ông C vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ Ông C không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và Bà Ngh, không có thiện chí trong việc hàn gắn, xây dựng lại hạnh phúc gia đình giữa ông và Bà Ngh. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện, yêu thương giữa vợ và chồng, cùng chia sẻ với nhau những vui buồn, khó khăn trong cuộc sống. Nhưng theo lời trình bày của Bà Ngh thì bà và Ông C không còn sống

chung, không còn quan tâm đến nhau, bà không còn tình cảm với Ông C nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Ngh.

- Về con chung: Xét thấy, người con chung tên Trần Huỳnh Hải Y, sinh ngày 18/12/2005 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngh khai không có tài sản chung. Ông Trần Ngọc C vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Huỳnh Thị Ngh khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Ông Trần Ngọc C vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, tách ra giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngh chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 87/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị Ngh.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Ngh được ly hôn với Ông Trần Ngọc C.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngh và Ông Trần Ngọc C có một người con chung tên Trần Huỳnh Hải Y, sinh ngày 18/12/2005 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngh khai vợ chồng không có tài sản chung. Ông Trần Ngọc C vắng mặt không có ý kiến về vấn đề tài sản chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Huỳnh Thị Ngh khai vợ chồng không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, Ông Trần Ngọc C vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngh chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà Huỳnh Thị Ngh đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0036553 ngày 04/01/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự Quận T, Thành phố X. Bà Huỳnh Thị Ngh đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị Ngh và Ông Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận T;
- Chi cục THA DS Quận T;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Chi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận T;
- Chi cục THA DS Quận T;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Chi

Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Nguyễn Thị Thanh Chi